

SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG  
TRƯỜNG THPT CHUYÊN THĂNG LONG -  
ĐÀ LẠT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO**  
**Kết quả thực hiện chính sách năm 2025**

**I. Học sinh được xét cấp học bổng ngân sách HKII năm học 2024-2025** (Kèm theo Quyết định số 62/QĐ-CTL ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Trường THPT Chuyên Thăng Long - Đà Lạt)

| STT | Lớp     | Họ và tên học sinh |        | Số tiền   | Ghi chú |
|-----|---------|--------------------|--------|-----------|---------|
| 1   | 10 Toán | Nguyễn Trần Long   | Bảo    | 1,170,000 |         |
| 2   | 10 Toán | Trương Đức Gia     | Bảo    | 1,170,000 |         |
| 3   | 10 Toán | Nguyễn Bảo Nguyên  | Chương | 1,170,000 |         |
| 4   | 10 Toán | Hoàng Công         | Danh   | 1,170,000 |         |
| 5   | 10 Toán | Lê Hoàng Nhật      | Đăng   | 1,170,000 |         |
| 6   | 10 Toán | Đào Minh           | Hải    | 1,170,000 |         |
| 7   | 10 Toán | Lê Xuân            | Hải    | 1,170,000 |         |
| 8   | 10 Toán | Phạm Phi           | Hoàng  | 1,170,000 |         |
| 9   | 10 Toán | Bùi Thanh          | Hùng   | 1,170,000 |         |
| 10  | 10 Toán | Trần Việt          | Hùng   | 1,170,000 |         |
| 11  | 10 Toán | Hoàng Văn          | Huy    | 1,170,000 |         |

|    |         |                   |        |           |  |
|----|---------|-------------------|--------|-----------|--|
| 12 | 10 Toán | Hồ Ngọc           | Huy    | 1,170,000 |  |
| 13 | 10 Toán | Nguyễn Quốc       | Huy    | 1,170,000 |  |
| 14 | 10 Toán | Trần Quang        | Huy    | 1,170,000 |  |
| 15 | 10 Toán | Trương Quang      | Khánh  | 1,170,000 |  |
| 16 | 10 Toán | Đặng Quốc Vĩnh    | Khôi   | 1,170,000 |  |
| 17 | 10 Toán | Trịnh Thị Minh    | Khuê   | 1,170,000 |  |
| 18 | 10 Toán | Nguyễn Thị Hiền   | Linh   | 1,170,000 |  |
| 19 | 10 Toán | Nguyễn Thị Ngọc   | Minh   | 1,170,000 |  |
| 20 | 10 Toán | Nguyễn Thị Thu    | Ngà    | 1,170,000 |  |
| 21 | 10 Toán | Đặng Ngọc         | Nhi    | 1,170,000 |  |
| 22 | 10 Toán | Phan Nguyễn Hoàng | Phú    | 1,170,000 |  |
| 23 | 10 Toán | Phan Nguyên       | Phúc   | 1,170,000 |  |
| 24 | 10 Toán | Nguyễn Mai        | Phương | 1,170,000 |  |
| 25 | 10 Toán | Lý Thị Như        | Quỳnh  | 1,170,000 |  |
| 26 | 10 Toán | Lại Tấn           | Tài    | 1,170,000 |  |
| 27 | 10 Toán | Chế Công          | Thiện  | 1,170,000 |  |
| 28 | 10 Lý   | Nguyễn Hoàng Gia  | Ân     | 1,170,000 |  |
| 29 | 10 Lý   | Vũ Đình Bảo       | Châu   | 1,170,000 |  |
| 30 | 10 Lý   | Trần Nguyễn Khánh | Chi    | 1,170,000 |  |

|    |       |                  |        |           |  |
|----|-------|------------------|--------|-----------|--|
| 31 | 10 Lý | Lê Nguyễn Phú    | Cường  | 1,170,000 |  |
| 32 | 10 Lý | Lương Nhật Quỳnh | Đan    | 1,170,000 |  |
| 33 | 10 Lý | Hồ Hải           | Đăng   | 1,170,000 |  |
| 34 | 10 Lý | Chế Gia          | Hân    | 1,170,000 |  |
| 35 | 10 Lý | Dương Lê Bảo     | Hân    | 1,170,000 |  |
| 36 | 10 Lý | Chu Phương Thanh | Hiền   | 1,170,000 |  |
| 37 | 10 Lý | Nguyễn Cảnh      | Hoàng  | 1,170,000 |  |
| 38 | 10 Lý | Đỗ Nguyễn Hoàng  | Lan    | 1,170,000 |  |
| 39 | 10 Lý | Phạm Đỗ Gia      | Lâm    | 1,170,000 |  |
| 40 | 10 Lý | Nguyễn Ngọc Thảo | My     | 1,170,000 |  |
| 41 | 10 Lý | Trần Minh Bảo    | Ngọc   | 1,170,000 |  |
| 42 | 10 Lý | Trương Thảo      | Nguyên | 1,170,000 |  |
| 43 | 10 Lý | Võ Lê Khánh      | Nhi    | 1,170,000 |  |
| 44 | 10 Lý | Nguyễn Thụy      | Nhiên  | 1,170,000 |  |
| 45 | 10 Lý | Nguyễn Đình      | Phú    | 1,170,000 |  |
| 46 | 10 Lý | Nguyễn Hoàng Gia | Phúc   | 1,170,000 |  |
| 47 | 10 Lý | Võ Đức Minh      | Quân   | 1,170,000 |  |
| 48 | 10 Lý | Nguyễn Thảo      | Tiên   | 1,170,000 |  |
| 49 | 10 Lý | Nguyễn Hữu Minh  | Toàn   | 1,170,000 |  |

|    |        |                  |        |           |  |
|----|--------|------------------|--------|-----------|--|
| 50 | 10 Lý  | Trần Đình        | Trọng  | 1,170,000 |  |
| 51 | 10 Lý  | Ngô Viết         | Trường | 1,170,000 |  |
| 52 | 10 Lý  | Đỗ Quang         | Vinh   | 1,170,000 |  |
| 53 | 10 Lý  | Nguyễn Hoàng     | Vũ     | 1,170,000 |  |
| 54 | 10 Hóa | Nguyễn Quế       | Anh    | 1,170,000 |  |
| 55 | 10 Hóa | Võ Trần Hải      | Anh    | 1,170,000 |  |
| 56 | 10 Hóa | Lê Vũ Gia        | Bảo    | 1,170,000 |  |
| 57 | 10 Hóa | Nguyễn Lê Hải    | Dương  | 1,170,000 |  |
| 58 | 10 Hóa | Điền Gia         | Định   | 1,170,000 |  |
| 59 | 10 Hóa | Bùi Đỗ Trọng     | Hiếu   | 1,170,000 |  |
| 60 | 10 Hóa | Nguyễn Trần Việt | Hùng   | 1,170,000 |  |
| 61 | 10 Hóa | Phạm Hoàng Bảo   | Khang  | 1,170,000 |  |
| 62 | 10 Hóa | Đặng Bảo         | Nam    | 1,170,000 |  |
| 63 | 10 Hóa | Hoàng Kim        | Ngọc   | 1,170,000 |  |
| 64 | 10 Hóa | Lý Uyên          | Nhi    | 1,170,000 |  |
| 65 | 10 Hóa | Đào Ngô Hà       | Phương | 1,170,000 |  |
| 66 | 10 Hóa | Nguyễn Gia Thục  | Quyên  | 1,170,000 |  |
| 67 | 10 Hóa | Nguyễn Tấn       | Sang   | 1,170,000 |  |
| 68 | 10 Hóa | Phan Hoàng       | Sang   | 1,170,000 |  |

|    |        |                   |       |           |  |
|----|--------|-------------------|-------|-----------|--|
| 69 | 10 Hóa | Lê Bá             | Thành | 1,170,000 |  |
| 70 | 10 Hóa | Đặng Nguyễn Trọng | Tín   | 1,170,000 |  |
| 71 | 10 Hóa | Hoàng Thị Phương  | Trang | 1,170,000 |  |
| 72 | 10 Tin | Hoàng Ngọc Tuyết  | Anh   | 1,170,000 |  |
| 73 | 10 Tin | Vũ Đức Quang      | Ân    | 1,170,000 |  |
| 74 | 10 Tin | Hồ Gia            | Bảo   | 1,170,000 |  |
| 75 | 10 Tin | Nguyễn Ngọc Gia   | Bảo   | 1,170,000 |  |
| 76 | 10 Tin | Phạm Vũ Quốc      | Bảo   | 1,170,000 |  |
| 77 | 10 Tin | Nguyễn Hoàng Phúc | Điền  | 1,170,000 |  |
| 78 | 10 Tin | Đặng Huy          | Hậu   | 1,170,000 |  |
| 79 | 10 Tin | Lê Thanh          | Hùng  | 1,170,000 |  |
| 80 | 10 Tin | Lê Minh           | Khang | 1,170,000 |  |
| 81 | 10 Tin | Nguyễn Trọng      | Khôi  | 1,170,000 |  |
| 82 | 10 Tin | Đinh Nguyễn Gia   | Lâm   | 1,170,000 |  |
| 83 | 10 Tin | Hồ Đắc Quang      | Minh  | 1,170,000 |  |
| 84 | 10 Tin | Trương Bình       | Minh  | 1,170,000 |  |
| 85 | 10 Tin | Phạm Kim          | Ngân  | 1,170,000 |  |
| 86 | 10 Tin | Lê Hoàng          | Phong | 1,170,000 |  |
| 87 | 10 Tin | Trần Kiều         | Phong | 1,170,000 |  |

|     |         |                  |        |           |  |
|-----|---------|------------------|--------|-----------|--|
| 88  | 10 Tin  | Dương Minh       | Quân   | 1,170,000 |  |
| 89  | 10 Tin  | Huỳnh Ngọc Bảo   | Thy    | 1,170,000 |  |
| 90  | 10 Sinh | Hoàng Ngọc       | Anh    | 1,170,000 |  |
| 91  | 10 Sinh | Nguyễn Ngọc Trâm | Anh    | 1,170,000 |  |
| 92  | 10 Sinh | Phạm Hà Châu     | Anh    | 1,170,000 |  |
| 93  | 10 Sinh | Trần Đức Hiền    | Anh    | 1,170,000 |  |
| 94  | 10 Sinh | Nguyễn Mạnh      | Duy    | 1,170,000 |  |
| 95  | 10 Sinh | Nguyễn Thế Xuân  | Giao   | 1,170,000 |  |
| 96  | 10 Sinh | Nguyễn Thị Vân   | Hải    | 1,170,000 |  |
| 97  | 10 Sinh | Nguyễn Hoàng     | Khang  | 1,170,000 |  |
| 98  | 10 Sinh | Huỳnh Anh        | Khoa   | 1,170,000 |  |
| 99  | 10 Sinh | Nguyễn Diệu      | Linh   | 1,170,000 |  |
| 100 | 10 Sinh | Nguyễn Thị Trúc  | Ly     | 1,170,000 |  |
| 101 | 10 Sinh | Nguyễn Tuyết     | Mai    | 1,170,000 |  |
| 102 | 10 Sinh | Nguyễn Thị Thảo  | Ngân   | 1,170,000 |  |
| 103 | 10 Sinh | Tán Hoàng Khánh  | Như    | 1,170,000 |  |
| 104 | 10 Sinh | Đặng Minh        | Phương | 1,170,000 |  |
| 105 | 10 Sinh | Huỳnh Thảo Phước | Tâm    | 1,170,000 |  |
| 106 | 10 Sinh | Kiều Đức         | Tâm    | 1,170,000 |  |

|     |         |                   |       |           |  |
|-----|---------|-------------------|-------|-----------|--|
| 107 | 10 Sinh | Khương Đăng Hiền  | Thảo  | 1,170,000 |  |
| 108 | 10 Sinh | Nguyễn Bùi Anh    | Thư   | 1,170,000 |  |
| 109 | 10 Sinh | Ngô Mỹ            | Uyên  | 1,170,000 |  |
| 110 | 10 Sinh | Hoàng Trần Triều  | Vỹ    | 1,170,000 |  |
| 111 | 10 Anh  | Huỳnh Ngọc Duy    | Anh   | 1,170,000 |  |
| 112 | 10 Anh  | Kiều Đức          | Anh   | 1,170,000 |  |
| 113 | 10 Anh  | Phan Hà           | Anh   | 1,170,000 |  |
| 114 | 10 Anh  | Phan Thị Phương   | Anh   | 1,170,000 |  |
| 115 | 10 Anh  | Nguyễn Hoàng      | Bách  | 1,170,000 |  |
| 116 | 10 Anh  | Nguyễn Minh       | Châu  | 1,170,000 |  |
| 117 | 10 Anh  | Trương Duy Bảo    | Châu  | 1,170,000 |  |
| 118 | 10 Anh  | Cao Huy           | Hoàng | 1,170,000 |  |
| 119 | 10 Anh  | Mai Gia           | Huy   | 1,170,000 |  |
| 120 | 10 Anh  | Lưu Anh           | Khoa  | 1,170,000 |  |
| 121 | 10 Anh  | Nguyễn Võ Việt    | Linh  | 1,170,000 |  |
| 122 | 10 Anh  | Nguyễn Đoàn Hoàng | Long  | 1,170,000 |  |
| 123 | 10 Anh  | Phan Hữu          | Lộc   | 1,170,000 |  |
| 124 | 10 Anh  | Nguyễn Hoàng      | Minh  | 1,170,000 |  |
| 125 | 10 Anh  | Bùi Nguyễn Ngọc   | My    | 1,170,000 |  |

|     |         |                    |        |           |  |
|-----|---------|--------------------|--------|-----------|--|
| 126 | 10 Anh  | Hoàng Nguyễn Khánh | Nguyên | 1,170,000 |  |
| 127 | 10 Anh  | Lê Nhật            | Quang  | 1,170,000 |  |
| 128 | 10 Anh  | Nguyễn Minh        | Quân   | 1,170,000 |  |
| 129 | 10 Anh  | Bùi Phan Mai       | Thi    | 1,170,000 |  |
| 130 | 10 Anh  | Huỳnh Phạm         | Thuần  | 1,170,000 |  |
| 131 | 10 Anh  | Lưu Lê Anh         | Thư    | 1,170,000 |  |
| 132 | 10 Anh  | Nguyễn Ngọc Minh   | Thư    | 1,170,000 |  |
| 133 | 10 Anh  | Lưu Diệu Bảo       | Trân   | 1,170,000 |  |
| 134 | 10 Anh  | Lê Kim             | Uyên   | 1,170,000 |  |
| 135 | 10 Anh  | Nguyễn Ngọc Tú     | Uyên   | 1,170,000 |  |
| 136 | 10 Pháp | Nguyễn Ngọc Quỳnh  | An     | 1,170,000 |  |
| 137 | 10 Pháp | Đào Nguyễn Minh    | Anh    | 1,170,000 |  |
| 138 | 10 Pháp | Hoàng Phương       | Duyên  | 1,170,000 |  |
| 139 | 10 Pháp | Trương Huỳnh Khả   | Hân    | 1,170,000 |  |
| 140 | 10 Pháp | Nguyễn Lê Yến      | Nhi    | 1,170,000 |  |
| 141 | 10 Pháp | Nguyễn Phùng Nhã   | Quyên  | 1,170,000 |  |
| 142 | 10 Pháp | Phạm Thanh         | Thảo   | 1,170,000 |  |
| 143 | 10 Văn  | Đỗ Thanh Thiên     | An     | 1,170,000 |  |
| 144 | 10 Văn  | Lê Nguyễn Bảo      | An     | 1,170,000 |  |

|     |        |                   |        |           |  |
|-----|--------|-------------------|--------|-----------|--|
| 145 | 10 Văn | Mai Thị Thùy      | Dung   | 1,170,000 |  |
| 146 | 10 Văn | Tô Vĩnh           | Đạt    | 1,170,000 |  |
| 147 | 10 Văn | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Giao   | 1,170,000 |  |
| 148 | 10 Văn | Bùi Anh           | Khoa   | 1,170,000 |  |
| 149 | 10 Văn | Nguyễn Phan Thư   | Kỳ     | 1,170,000 |  |
| 150 | 10 Văn | Nguyễn Ngọc Khánh | Linh   | 1,170,000 |  |
| 151 | 10 Văn | Phạm Quỳnh Nhã    | Ly     | 1,170,000 |  |
| 152 | 10 Văn | Huỳnh Phan Bảo    | Mi     | 1,170,000 |  |
| 153 | 10 Văn | Bùi Đào Hà        | My     | 1,170,000 |  |
| 154 | 10 Văn | Nguyễn Phúc Hồng  | Ngọc   | 1,170,000 |  |
| 155 | 10 Văn | Lê Nguyễn Thảo    | Nguyên | 1,170,000 |  |
| 156 | 10 Văn | Dương An Khánh    | Nhi    | 1,170,000 |  |
| 157 | 10 Văn | Lê Thục           | Nhi    | 1,170,000 |  |
| 158 | 10 Văn | Lê Ngọc Như       | Quỳnh  | 1,170,000 |  |
| 159 | 10 Văn | Nguyễn Xuân Hạnh  | Tâm    | 1,170,000 |  |
| 160 | 10 Văn | Phạm Thị Thanh    | Thảo   | 1,170,000 |  |
| 161 | 10 Văn | Vũ Thị Phương     | Thảo   | 1,170,000 |  |
| 162 | 10 Văn | Nguyễn Gia        | Thịnh  | 1,170,000 |  |
| 163 | 10 Văn | Phạm Hiền         | Thư    | 1,170,000 |  |

|     |           |                    |        |           |  |
|-----|-----------|--------------------|--------|-----------|--|
| 164 | 10 Văn    | Mai Thủy           | Tiên   | 1,170,000 |  |
| 165 | 10 Văn    | Lê Thị Minh        | Trúc   | 1,170,000 |  |
| 166 | 10 Văn    | Nguyễn Thụy Hà     | Vân    | 1,170,000 |  |
| 167 | 10 Sử-Địa | Tạ Hoàng           | Hiền   | 1,170,000 |  |
| 168 | 10 Sử-Địa | Võ Thị Hồng        | Minh   | 1,170,000 |  |
| 169 | 10 Sử-Địa | Hoàng Thị Quỳnh    | My     | 1,170,000 |  |
| 170 | 10 Sử-Địa | Đào Vĩnh           | Phúc   | 1,170,000 |  |
| 171 | 10 Sử-Địa | Trần Nguyễn Anh    | Tuấn   | 1,170,000 |  |
| 172 | 10 Sử-Địa | Nguyễn Trần Nhật   | An     | 1,170,000 |  |
| 173 | 10 Sử-Địa | Trương Ngọc Phương | Anh    | 1,170,000 |  |
| 174 | 10 Sử-Địa | Nguyễn Thị Thùy    | Dương  | 1,170,000 |  |
| 175 | 10 Sử-Địa | Hà Minh            | Đức    | 1,170,000 |  |
| 176 | 10 Sử-Địa | Nguyễn Vũ Thanh    | Hằng   | 1,170,000 |  |
| 177 | 10 Sử-Địa | Nguyễn Vũ Anh      | Khôi   | 1,170,000 |  |
| 178 | 10 Sử-Địa | Ngô Hạnh           | Nguyên | 1,170,000 |  |
| 179 | 10 Sử-Địa | Nguyễn Ngọc Kiều   | Oanh   | 1,170,000 |  |
| 180 | 10 Sử-Địa | Bùi Đậu Nhật       | Quỳnh  | 1,170,000 |  |
| 181 | 10 Sử-Địa | Trịnh Thị          | Thảo   | 1,170,000 |  |
| 182 | 10 Sử-Địa | Nguyễn Vũ Bảo      | Trân   | 1,170,000 |  |

|     |           |                    |       |           |  |
|-----|-----------|--------------------|-------|-----------|--|
| 183 | 10 Sử-Địa | Trần Mạnh          | Tùng  | 1,170,000 |  |
| 184 | 11 Toán   | Lê Trần Khải       | Anh   | 1,170,000 |  |
| 185 | 11 Toán   | Lê Việt            | Anh   | 1,170,000 |  |
| 186 | 11 Toán   | Trần Đình          | Đạt   | 1,170,000 |  |
| 187 | 11 Toán   | Tạ Nguyễn Minh     | Đăng  | 1,170,000 |  |
| 188 | 11 Toán   | Trần Ngọc          | Hà    | 1,170,000 |  |
| 189 | 11 Toán   | Hoàng Nghĩa Trung  | Hải   | 1,170,000 |  |
| 190 | 11 Toán   | Nguyễn Phúc Đông   | Hải   | 1,170,000 |  |
| 191 | 11 Toán   | Trần Minh          | Hiền  | 1,170,000 |  |
| 192 | 11 Toán   | Nguyễn Lê          | Hoàng | 1,170,000 |  |
| 193 | 11 Toán   | Nguyễn Thê Huy     | Hoàng | 1,170,000 |  |
| 194 | 11 Toán   | Phạm Nguyễn Nguyên | Hoàng | 1,170,000 |  |
| 195 | 11 Toán   | Quan Phú           | Khiêm | 1,170,000 |  |
| 196 | 11 Toán   | Nguyễn Đăng        | Khoa  | 1,170,000 |  |
| 197 | 11 Toán   | Nguyễn Phước Đăng  | Khoa  | 1,170,000 |  |
| 198 | 11 Toán   | Phạm Lâm Nhật      | Khoa  | 1,170,000 |  |
| 199 | 11 Toán   | Đào Duy Nguyên     | Khôi  | 1,170,000 |  |
| 200 | 11 Toán   | Trần Nguyễn Ngọc   | Lâm   | 1,170,000 |  |
| 201 | 11 Toán   | Nguyễn Cảnh Nhật   | Minh  | 1,170,000 |  |

|     |         |                   |        |           |  |
|-----|---------|-------------------|--------|-----------|--|
| 202 | 11 Toán | Nguyễn Trần Yến   | Nhi    | 1,170,000 |  |
| 203 | 11 Toán | Phạm Nam          | Phương | 1,170,000 |  |
| 204 | 11 Toán | Phan Hồng         | Quân   | 1,170,000 |  |
| 205 | 11 Toán | Nguyễn Công       | Sinh   | 1,170,000 |  |
| 206 | 11 Toán | Đỗ Thanh          | Son    | 1,170,000 |  |
| 207 | 11 Toán | Nguyễn Thị Thu    | Thủy   | 1,170,000 |  |
| 208 | 11 Toán | Đinh Thị Thảo     | Trang  | 1,170,000 |  |
| 209 | 11 Toán | Nguyễn Ngọc Bích  | Trân   | 1,170,000 |  |
| 210 | 11 Toán | Nguyễn Ngọc Minh  | Tú     | 1,170,000 |  |
| 211 | 11 Toán | Bùi Hoàng Thanh   | Uyên   | 1,170,000 |  |
| 212 | 11 Toán | Nguyễn Trần Tường | Vy     | 1,170,000 |  |
| 213 | 11 Lý   | Lê Bảo            | Anh    | 1,170,000 |  |
| 214 | 11 Lý   | Nguyễn Lê Ngọc    | Anh    | 1,170,000 |  |
| 215 | 11 Lý   | Cao Tiến          | Dũng   | 1,170,000 |  |
| 216 | 11 Lý   | Lê Quang          | Duy    | 1,170,000 |  |
| 217 | 11 Lý   | Lê Thị Ánh        | Dương  | 1,170,000 |  |
| 218 | 11 Lý   | Nguyễn Trần Thục  | Đoan   | 1,170,000 |  |
| 219 | 11 Lý   | Phạm Hoài Tuệ     | Hân    | 1,170,000 |  |
| 220 | 11 Lý   | Trần Gia          | Hân    | 1,170,000 |  |

|     |        |                    |        |           |  |
|-----|--------|--------------------|--------|-----------|--|
| 221 | 11 Lý  | Nguyễn Viết        | Hoàng  | 1,170,000 |  |
| 222 | 11 Lý  | Vũ Trần Minh       | Huy    | 1,170,000 |  |
| 223 | 11 Lý  | Phạm Vũ Hoàng      | Khang  | 1,170,000 |  |
| 224 | 11 Lý  | Nguyễn Đỗ Đăng     | Khoa   | 1,170,000 |  |
| 225 | 11 Lý  | Nguyễn Ngọc Nguyệt | Minh   | 1,170,000 |  |
| 226 | 11 Lý  | Hồ Phạm Thảo       | Nguyên | 1,170,000 |  |
| 227 | 11 Lý  | Chữ Đức Anh        | Nhật   | 1,170,000 |  |
| 228 | 11 Lý  | Phan Minh          | Nhật   | 1,170,000 |  |
| 229 | 11 Lý  | Nguyễn Minh        | Quang  | 1,170,000 |  |
| 230 | 11 Lý  | Nguyễn Anh         | Quốc   | 1,170,000 |  |
| 231 | 11 Lý  | Trần Vũ Bảo        | Quyên  | 1,170,000 |  |
| 232 | 11 Lý  | Nguyễn Thị Thu     | Thảo   | 1,170,000 |  |
| 233 | 11 Lý  | Nguyễn Vĩnh        | Thịnh  | 1,170,000 |  |
| 234 | 11 Hóa | Đào Hà             | Anh    | 1,170,000 |  |
| 235 | 11 Hóa | Nguyễn Châu        | Anh    | 1,170,000 |  |
| 236 | 11 Hóa | Lê Thiên           | Ân     | 1,170,000 |  |
| 237 | 11 Hóa | Nguyễn Vũ Minh     | Châu   | 1,170,000 |  |
| 238 | 11 Hóa | Trần Ngọc Bảo      | Châu   | 1,170,000 |  |
| 239 | 11 Hóa | Nguyễn Ngọc Xuân   | Giang  | 1,170,000 |  |

|     |        |                   |        |           |  |
|-----|--------|-------------------|--------|-----------|--|
| 240 | 11 Hóa | Đào Thị Thu       | Hiền   | 1,170,000 |  |
| 241 | 11 Hóa | Trần Gia          | Huy    | 1,170,000 |  |
| 242 | 11 Hóa | Đặng Nguyên       | Khôi   | 1,170,000 |  |
| 243 | 11 Hóa | Lê Đức            | Khôi   | 1,170,000 |  |
| 244 | 11 Hóa | Nguyễn Ngô Nhật   | Linh   | 1,170,000 |  |
| 245 | 11 Hóa | Phan Lê Bích      | Loan   | 1,170,000 |  |
| 246 | 11 Hóa | Lê Thanh          | Mai    | 1,170,000 |  |
| 247 | 11 Hóa | Trần Đỗ Kim       | Ngân   | 1,170,000 |  |
| 248 | 11 Hóa | Nguyễn Dương Bảo  | Ngọc   | 1,170,000 |  |
| 249 | 11 Hóa | Nguyễn Đỗ Thảo    | Nguyên | 1,170,000 |  |
| 250 | 11 Hóa | Nguyễn Gia        | Nguyễn | 1,170,000 |  |
| 251 | 11 Hóa | Lê Huỳnh Yến      | Nhi    | 1,170,000 |  |
| 252 | 11 Hóa | Nguyễn Hoàng Xuân | Nhi    | 1,170,000 |  |
| 253 | 11 Hóa | Lê Trần Bảo       | Quỳnh  | 1,170,000 |  |
| 254 | 11 Hóa | Lê Trần Thủy      | Tiên   | 1,170,000 |  |
| 255 | 11 Hóa | Nguyễn Hoàng Bảo  | Trân   | 1,170,000 |  |
| 256 | 11 Hóa | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Trân   | 1,170,000 |  |
| 257 | 11 Hóa | Cao Thu           | Uyên   | 1,170,000 |  |
| 258 | 11 Hóa | Đặng Trần Nhật    | Vy     | 1,170,000 |  |

|     |         |                   |       |           |  |
|-----|---------|-------------------|-------|-----------|--|
| 259 | 11 Tin  | Hồ Minh           | Khoa  | 1,170,000 |  |
| 260 | 11 Tin  | Đỗ Đình Khánh     | Linh  | 1,170,000 |  |
| 261 | 11 Tin  | Hồ Minh           | Phát  | 1,170,000 |  |
| 262 | 11 Tin  | Nguyễn Trường     | Quân  | 1,170,000 |  |
| 263 | 11 Tin  | Nguyễn Vũ Hoàng   | Quân  | 1,170,000 |  |
| 264 | 11 Tin  | Trần Minh         | Quân  | 1,170,000 |  |
| 265 | 11 Tin  | Nguyễn Đoàn Viết  | Thắng | 1,170,000 |  |
| 266 | 11 Tin  | Nguyễn Ngọc       | Trí   | 1,170,000 |  |
| 267 | 11 Sinh | Phạm Nguyễn Quỳnh | Anh   | 1,170,000 |  |
| 268 | 11 Sinh | Lê Hồng Hạ        | Di    | 1,170,000 |  |
| 269 | 11 Sinh | Trần Minh         | Dũng  | 1,170,000 |  |
| 270 | 11 Sinh | Phạm Nguyễn Khánh | Hạ    | 1,170,000 |  |
| 271 | 11 Sinh | Nguyễn Thái Ngọc  | Hân   | 1,170,000 |  |
| 272 | 11 Sinh | Lê Thị Khánh      | Huyền | 1,170,000 |  |
| 273 | 11 Sinh | Nguyễn Hoàng Quốc | Huỳnh | 1,170,000 |  |
| 274 | 11 Sinh | Đặng Trần Phương  | Linh  | 1,170,000 |  |
| 275 | 11 Sinh | Nguyễn Thảo       | Ly    | 1,170,000 |  |
| 276 | 11 Sinh | Lâm Uyên          | Nhi   | 1,170,000 |  |
| 277 | 11 Sinh | Võ Ngọc Bảo       | Nhi   | 1,170,000 |  |

|     |         |                    |        |           |  |
|-----|---------|--------------------|--------|-----------|--|
| 278 | 11 Sinh | Huỳnh Hữu Uyên     | Như    | 1,170,000 |  |
| 279 | 11 Sinh | Nguyễn Hoàng Nam   | Phương | 1,170,000 |  |
| 280 | 11 Sinh | Đinh Thị Mai       | Thảo   | 1,170,000 |  |
| 281 | 11 Sinh | Võ Diệp Anh        | Thư    | 1,170,000 |  |
| 282 | 11 Sinh | Nguyễn Minh        | Trí    | 1,170,000 |  |
| 283 | 11 Sinh | Nguyễn Thị Thanh   | Trúc   | 1,170,000 |  |
| 284 | 11 Sinh | Phạm Nguyễn Thanh  | Trúc   | 1,170,000 |  |
| 285 | 11 Sinh | Phan Minh          | Tú     | 1,170,000 |  |
| 286 | 11 Sinh | Lê Vũ Khánh        | Vy     | 1,170,000 |  |
| 287 | 11 Sinh | Trần Ngọc Thúy     | Vy     | 1,170,000 |  |
| 288 | 11 Anh  | Đỗ Thị Phương      | An     | 1,170,000 |  |
| 289 | 11 Anh  | Phạm Nguyễn Hải    | An     | 1,170,000 |  |
| 290 | 11 Anh  | Hoàng Nhật         | Anh    | 1,170,000 |  |
| 291 | 11 Anh  | Nguyễn Quỳnh Trâm  | Anh    | 1,170,000 |  |
| 292 | 11 Anh  | Phạm Nguyễn Hồng   | Anh    | 1,170,000 |  |
| 293 | 11 Anh  | Võ Mai Quỳnh       | Anh    | 1,170,000 |  |
| 294 | 11 Anh  | Đặng Nhật          | Bình   | 1,170,000 |  |
| 295 | 11 Anh  | Nguyễn Ngọc Phương | Dung   | 1,170,000 |  |
| 296 | 11 Anh  | Phạm Đình Thái     | Dương  | 1,170,000 |  |

|     |        |                   |       |           |  |
|-----|--------|-------------------|-------|-----------|--|
| 297 | 11 Anh | Lê Kim            | Hiền  | 1,170,000 |  |
| 298 | 11 Anh | Nguyễn Thị Thảo   | Hiền  | 1,170,000 |  |
| 299 | 11 Anh | Nguyễn Phước      | Huy   | 1,170,000 |  |
| 300 | 11 Anh | Huỳnh Mai         | Hương | 1,170,000 |  |
| 301 | 11 Anh | Hoàng Bảo         | Khanh | 1,170,000 |  |
| 302 | 11 Anh | Nguyễn Hoàng      | Khanh | 1,170,000 |  |
| 303 | 11 Anh | Nguyễn Hà         | Lê    | 1,170,000 |  |
| 304 | 11 Anh | Nguyễn Phước Uyên | My    | 1,170,000 |  |
| 305 | 11 Anh | Phan Hoàng        | Mỹ    | 1,170,000 |  |
| 306 | 11 Anh | Vũ Huỳnh Hạnh     | Ngân  | 1,170,000 |  |
| 307 | 11 Anh | Mai Nguyễn Thiện  | Nhân  | 1,170,000 |  |
| 308 | 11 Anh | Lê Nguyễn Uyên    | Nhi   | 1,170,000 |  |
| 309 | 11 Anh | Bùi Nguyễn An     | Nhiên | 1,170,000 |  |
| 310 | 11 Anh | Nguyễn Bá Thanh   | Nhiên | 1,170,000 |  |
| 311 | 11 Anh | Đinh Nguyễn Công  | Phong | 1,170,000 |  |
| 312 | 11 Anh | Nguyễn Trường     | Phúc  | 1,170,000 |  |
| 313 | 11 Anh | Nguyễn Thế        | Sơn   | 1,170,000 |  |
| 314 | 11 Anh | Tô Thái           | Tâm   | 1,170,000 |  |
| 315 | 11 Anh | Nguyễn Phan Bảo   | Thạch | 1,170,000 |  |

|     |         |                          |       |           |  |
|-----|---------|--------------------------|-------|-----------|--|
| 316 | 11 Anh  | Đoàn Hoàng Phương        | Trang | 1,170,000 |  |
| 317 | 11 Anh  | Nguyễn Phương            | Tuyền | 1,170,000 |  |
| 318 | 11 Anh  | Hoàng Hồng               | Tước  | 1,170,000 |  |
| 319 | 11 Anh  | Đào Lê Minh              | Vũ    | 1,170,000 |  |
| 320 | 11 Anh  | Phan Tường               | Vy    | 1,170,000 |  |
| 321 | 11 Pháp | Leymonerie Anthony Hoàng | An    | 1,170,000 |  |
| 322 | 11 Pháp | Đặng Phương              | Đạt   | 1,170,000 |  |
| 323 | 11 Pháp | Nguyễn Lê Anh            | Đức   | 1,170,000 |  |
| 324 | 11 Pháp | Trần Mỹ Hoàng            | Lan   | 1,170,000 |  |
| 325 | 11 Pháp | Rolfe Liam               | Liêm  | 1,170,000 |  |
| 326 | 11 Pháp | Nguyễn Minh              | Nghi  | 1,170,000 |  |
| 327 | 11 Pháp | Nguyễn Đức               | Phát  | 1,170,000 |  |
| 328 | 11 Pháp | Phan Tấn                 | Quốc  | 1,170,000 |  |
| 329 | 11 Pháp | Vũ Tiến                  | Thành | 1,170,000 |  |
| 330 | 11 Pháp | Lê                       | Tín   | 1,170,000 |  |
| 331 | 11 Văn  | Lưu Cảnh Trường          | An    | 1,170,000 |  |
| 332 | 11 Văn  | Trần Thuý                | An    | 1,170,000 |  |
| 333 | 11 Văn  | Lê Nguyễn Khánh          | Băng  | 1,170,000 |  |
| 334 | 11 Văn  | Nguyễn Bảo               | Châu  | 1,170,000 |  |

|     |        |                   |       |           |  |
|-----|--------|-------------------|-------|-----------|--|
| 335 | 11 Văn | Đinh Thị Phương   | Dung  | 1,170,000 |  |
| 336 | 11 Văn | Châu Mỹ           | Duyên | 1,170,000 |  |
| 337 | 11 Văn | Lê Ánh            | Dương | 1,170,000 |  |
| 338 | 11 Văn | Phạm Trần Khánh   | Đan   | 1,170,000 |  |
| 339 | 11 Văn | Hoàng Thị Hương   | Giang | 1,170,000 |  |
| 340 | 11 Văn | Nguyễn Trần Nhật  | Hạ    | 1,170,000 |  |
| 341 | 11 Văn | Hoàng Ngọc Bảo    | Hân   | 1,170,000 |  |
| 342 | 11 Văn | Lê Thị Thanh      | Hiền  | 1,170,000 |  |
| 343 | 11 Văn | Nguyễn Diệu       | Linh  | 1,170,000 |  |
| 344 | 11 Văn | Mai Nhật Uyên     | Minh  | 1,170,000 |  |
| 345 | 11 Văn | Nguyễn Vũ Hải     | Ngọc  | 1,170,000 |  |
| 346 | 11 Văn | Phan Ánh          | Ngọc  | 1,170,000 |  |
| 347 | 11 Văn | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Như   | 1,170,000 |  |
| 348 | 11 Văn | Trần Hồ Anh       | Thư   | 1,170,000 |  |
| 349 | 11 Văn | Trịnh Nguyễn Anh  | Thư   | 1,170,000 |  |
| 350 | 11 Văn | Trần Bảo          | Trâm  | 1,170,000 |  |
| 351 | 11 Văn | Trần Thanh        | Trúc  | 1,170,000 |  |
| 352 | 11 Văn | Trần Bảo Phương   | Uyên  | 1,170,000 |  |
| 353 | 11 Văn | Nguyễn Như        | Xuân  | 1,170,000 |  |

|     |           |                 |        |           |  |
|-----|-----------|-----------------|--------|-----------|--|
| 354 | 11 Sử-Địa | Nguyễn Trần Ánh | Dương  | 1,170,000 |  |
| 355 | 11 Sử-Địa | Huỳnh           | Giao   | 1,170,000 |  |
| 356 | 11 Sử-Địa | Cao Gia         | Huy    | 1,170,000 |  |
| 357 | 11 Sử-Địa | Lưu Trần Thảo   | Linh   | 1,170,000 |  |
| 358 | 11 Sử-Địa | Trần Nguyễn Bảo | Ngọc   | 1,170,000 |  |
| 359 | 11 Sử-Địa | Hồ Anh          | Quân   | 1,170,000 |  |
| 360 | 11 Sử-Địa | Lại Vinh        | Quang  | 1,170,000 |  |
| 361 | 11 Sử-Địa | Lê Dương Khả    | Hi     | 1,170,000 |  |
| 362 | 11 Sử-Địa | Lê Ngọc Bảo     | Khuyên | 1,170,000 |  |
| 363 | 11 Sử-Địa | Ngô Thị Hà      | Nguyên | 1,170,000 |  |
| 364 | 11 Sử-Địa | Nguyễn Quỳnh    | Như    | 1,170,000 |  |
| 365 | 11 Sử-Địa | Nguyễn Minh Anh | Quân   | 1,170,000 |  |
| 366 | 11 Sử-Địa | Lê Thọ          | Thành  | 1,170,000 |  |
| 367 | 11 Sử-Địa | Trần Thu        | Thùy   | 1,170,000 |  |
| 368 | 11 Sử-Địa | Nguyễn Hà Tú    | Uyên   | 1,170,000 |  |
| 369 | 11 Sử-Địa | Nguyễn Bảo      | Vy     | 1,170,000 |  |
| 370 | 12 Toán   | Lương Hoàng     | Bách   | 1,170,000 |  |
| 371 | 12 Toán   | Phạm Thái       | Dương  | 1,170,000 |  |
| 372 | 12 Toán   | Hoàng Hải       | Đăng   | 1,170,000 |  |

|     |         |                  |        |           |  |
|-----|---------|------------------|--------|-----------|--|
| 373 | 12 Toán | Nguyễn Hữu Tuấn  | Đăng   | 1,170,000 |  |
| 374 | 12 Toán | Vũ Long          | Đức    | 1,170,000 |  |
| 375 | 12 Toán | Nguyễn Nhật      | Hào    | 1,170,000 |  |
| 376 | 12 Toán | Bùi Đình         | Hiếu   | 1,170,000 |  |
| 377 | 12 Toán | Đoàn Thị Quỳnh   | Hoa    | 1,170,000 |  |
| 378 | 12 Toán | Hồ Khải          | Hoàn   | 1,170,000 |  |
| 379 | 12 Toán | Hà Huy           | Hoàng  | 1,170,000 |  |
| 380 | 12 Toán | Đoàn Duy Bảo     | Kha    | 1,170,000 |  |
| 381 | 12 Toán | Lương Quang      | Khải   | 1,170,000 |  |
| 382 | 12 Toán | Hà Lam Minh      | Khanh  | 1,170,000 |  |
| 383 | 12 Toán | Nguyễn Đăng      | Khoa   | 1,170,000 |  |
| 384 | 12 Toán | Đình Diễm        | Linh   | 1,170,000 |  |
| 385 | 12 Toán | Lại Thị Diệu     | Linh   | 1,170,000 |  |
| 386 | 12 Toán | Nguyễn Thị Tuyết | Ngân   | 1,170,000 |  |
| 387 | 12 Toán | Nguyễn Bích      | Ngọc   | 1,170,000 |  |
| 388 | 12 Toán | Trần Bảo Mỹ      | Ngọc   | 1,170,000 |  |
| 389 | 12 Toán | Hồ Đình          | Nguyên | 1,170,000 |  |
| 390 | 12 Toán | Nguyễn Văn Bảo   | Nhân   | 1,170,000 |  |
| 391 | 12 Toán | Bùi Vinh         | Quang  | 1,170,000 |  |

|     |         |                   |       |           |  |
|-----|---------|-------------------|-------|-----------|--|
| 392 | 12 Toán | Hồ Phạm Anh       | Quân  | 1,170,000 |  |
| 393 | 12 Toán | Lê Phương         | Thảo  | 1,170,000 |  |
| 394 | 12 Toán | Lê Quốc           | Thắng | 1,170,000 |  |
| 395 | 12 Toán | Hoàng Ngọc Bảo    | Thịnh | 1,170,000 |  |
| 396 | 12 Toán | Nguyễn Ngọc Anh   | Thư   | 1,170,000 |  |
| 397 | 12 Toán | Thân Ngọc Minh    | Trang | 1,170,000 |  |
| 398 | 12 Toán | Nguyễn Hoàng Bảo  | Trâm  | 1,170,000 |  |
| 399 | 12 Toán | Nguyễn Minh       | Trí   | 1,170,000 |  |
| 400 | 12 Toán | Nguyễn Đức        | Trọng | 1,170,000 |  |
| 401 | 12 Toán | Tăng Hồng         | Yến   | 1,170,000 |  |
| 402 | 12 Lý   | Lê Hoàng Vân      | Anh   | 1,170,000 |  |
| 403 | 12 Lý   | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Anh   | 1,170,000 |  |
| 404 | 12 Lý   | Trần Phạm Bảo     | Ân    | 1,170,000 |  |
| 405 | 12 Lý   | Huỳnh Trần Gia    | Bảo   | 1,170,000 |  |
| 406 | 12 Lý   | Phạm Vũ Gia       | Bảo   | 1,170,000 |  |
| 407 | 12 Lý   | Nguyễn Thành      | Danh  | 1,170,000 |  |
| 408 | 12 Lý   | Phan Hoàng Hương  | Giang | 1,170,000 |  |
| 409 | 12 Lý   | Nguyễn Trung      | Hiếu  | 1,170,000 |  |
| 410 | 12 Lý   | Nguyễn Trương Gia | Huy   | 1,170,000 |  |

|     |        |                      |        |           |  |
|-----|--------|----------------------|--------|-----------|--|
| 411 | 12 Lý  | Bùi Trần Gia         | Hưng   | 1,170,000 |  |
| 412 | 12 Lý  | Nguyễn Mai           | Hương  | 1,170,000 |  |
| 413 | 12 Lý  | Nguyễn Thị Thúy      | Hường  | 1,170,000 |  |
| 414 | 12 Lý  | Đinh Ngọc Nghi       | Khánh  | 1,170,000 |  |
| 415 | 12 Lý  | Cao Đăng Tuấn        | Khôi   | 1,170,000 |  |
| 416 | 12 Lý  | Trần Đỗ Minh         | Khôi   | 1,170,000 |  |
| 417 | 12 Lý  | Nguyễn Đức           | Mạnh   | 1,170,000 |  |
| 418 | 12 Lý  | Nguyễn Võ Minh       | Nguyên | 1,170,000 |  |
| 419 | 12 Lý  | Trần Thiên           | Phúc   | 1,170,000 |  |
| 420 | 12 Lý  | Nguyễn Phạm Ngọc     | Quỳnh  | 1,170,000 |  |
| 421 | 12 Lý  | Nguyễn Phúc Chơn     | Tâm    | 1,170,000 |  |
| 422 | 12 Lý  | Bùi Cao Phương       | Thảo   | 1,170,000 |  |
| 423 | 12 Lý  | Nguyễn Trần Nguyên   | Trực   | 1,170,000 |  |
| 424 | 12 Lý  | Phi Líp Dương Phương | Tuyền  | 1,170,000 |  |
| 425 | 12 Lý  | Nguyễn Phan Bích     | Vân    | 1,170,000 |  |
| 426 | 12 Lý  | Nguyễn Lê Quang      | Vinh   | 1,170,000 |  |
| 427 | 12 Lý  | Lê Bảo               | Vy     | 1,170,000 |  |
| 428 | 12 Hóa | Lê Nguyễn Phương     | Anh    | 1,170,000 |  |
| 429 | 12 Hóa | Mai Ngọc             | Anh    | 1,170,000 |  |

|     |        |                   |        |           |  |
|-----|--------|-------------------|--------|-----------|--|
| 430 | 12 Hóa | Nguyễn Hải Quỳnh  | Anh    | 1,170,000 |  |
| 431 | 12 Hóa | Võ Ngọc Thục      | Anh    | 1,170,000 |  |
| 432 | 12 Hóa | Lê Nguyễn Quỳnh   | Chi    | 1,170,000 |  |
| 433 | 12 Hóa | Trương Quỳnh      | Chi    | 1,170,000 |  |
| 434 | 12 Hóa | Phan Trung        | Hiếu   | 1,170,000 |  |
| 435 | 12 Hóa | Lê Nguyễn Thương  | Hiệu   | 1,170,000 |  |
| 436 | 12 Hóa | Phạm Huy          | Hùng   | 1,170,000 |  |
| 437 | 12 Hóa | Cao Thị Khánh     | Linh   | 1,170,000 |  |
| 438 | 12 Hóa | Nguyễn Thái Thành | Lộc    | 1,170,000 |  |
| 439 | 12 Hóa | Trần Xuân         | Mai    | 1,170,000 |  |
| 440 | 12 Hóa | Trịnh Vũ Quỳnh    | My     | 1,170,000 |  |
| 441 | 12 Hóa | Nguyễn Ngọc Lan   | Ngân   | 1,170,000 |  |
| 442 | 12 Hóa | Nguyễn Thảo       | Nhi    | 1,170,000 |  |
| 443 | 12 Hóa | Đinh Lương Hồng   | Nhung  | 1,170,000 |  |
| 444 | 12 Hóa | Nguyễn Bảo        | Phúc   | 1,170,000 |  |
| 445 | 12 Hóa | Nguyễn Ngọc       | Phương | 1,170,000 |  |
| 446 | 12 Hóa | Phạm Võ Nhật      | Quỳnh  | 1,170,000 |  |
| 447 | 12 Hóa | Nguyễn Lê Phương  | Thái   | 1,170,000 |  |
| 448 | 12 Hóa | Trần Phương       | Thảo   | 1,170,000 |  |

|     |        |                  |       |           |  |
|-----|--------|------------------|-------|-----------|--|
| 449 | 12 Hóa | Lưu Quốc         | Thắng | 1,170,000 |  |
| 450 | 12 Hóa | Ngô Quỳnh        | Trang | 1,170,000 |  |
| 451 | 12 Hóa | Nguyễn Mai Huyền | Trang | 1,170,000 |  |
| 452 | 12 Hóa | Phan Lê Huyền    | Trang | 1,170,000 |  |
| 453 | 12 Hóa | Phạm Thị Thảo    | Uyên  | 1,170,000 |  |
| 454 | 12 Hóa | Phạm Ngọc Tường  | Vy    | 1,170,000 |  |
| 455 | 12 Tin | Lê Bá            | Ân    | 1,170,000 |  |
| 456 | 12 Tin | Võ Đặng Gia      | Bảo   | 1,170,000 |  |
| 457 | 12 Tin | Nguyễn Cao       | Diệp  | 1,170,000 |  |
| 458 | 12 Tin | Ngô Lương        | Dũng  | 1,170,000 |  |
| 459 | 12 Tin | Lê Quỳnh Thảo    | Đoan  | 1,170,000 |  |
| 460 | 12 Tin | Trần Bùi Huy     | Hoàng | 1,170,000 |  |
| 461 | 12 Tin | Đỗ Văn           | Huy   | 1,170,000 |  |
| 462 | 12 Tin | Phạm Gia         | Huy   | 1,170,000 |  |
| 463 | 12 Tin | Trần Vĩnh        | Khang | 1,170,000 |  |
| 464 | 12 Tin | Vũ Trần Minh     | Khang | 1,170,000 |  |
| 465 | 12 Tin | Nguyễn Chí       | Kiên  | 1,170,000 |  |
| 466 | 12 Tin | Dương Yến        | Linh  | 1,170,000 |  |
| 467 | 12 Tin | Phạm Hữu         | Lộc   | 1,170,000 |  |

|     |         |                  |        |           |  |
|-----|---------|------------------|--------|-----------|--|
| 468 | 12 Tin  | Nguyễn Đỗ Long   | Nhật   | 1,170,000 |  |
| 469 | 12 Tin  | Trần Mai Thảo    | Như    | 1,170,000 |  |
| 470 | 12 Tin  | Nguyễn Xuân      | Phương | 1,170,000 |  |
| 471 | 12 Tin  | Quách Minh       | Quân   | 1,170,000 |  |
| 472 | 12 Tin  | Nguyễn Hoàng Bảo | Trân   | 1,170,000 |  |
| 473 | 12 Tin  | Đặng Minh        | Trí    | 1,170,000 |  |
| 474 | 12 Tin  | Nguyễn Thị Tố    | Uyên   | 1,170,000 |  |
| 475 | 12 Tin  | Nguyễn Đoàn Cẩm  | Vy     | 1,170,000 |  |
| 476 | 12 Sinh | Hoàng Thị Quỳnh  | Anh    | 1,170,000 |  |
| 477 | 12 Sinh | Đỗ Trần Quốc     | Đạt    | 1,170,000 |  |
| 478 | 12 Sinh | Nguyễn Việt      | Đức    | 1,170,000 |  |
| 479 | 12 Sinh | Dương Hoàng Bảo  | Hân    | 1,170,000 |  |
| 480 | 12 Sinh | Phạm Thị Ngọc    | Huyền  | 1,170,000 |  |
| 481 | 12 Sinh | Trần Thị Kiều    | Liên   | 1,170,000 |  |
| 482 | 12 Sinh | Ninh Khánh       | Linh   | 1,170,000 |  |
| 483 | 12 Sinh | Nguyễn Thị Hải   | Ngọc   | 1,170,000 |  |
| 484 | 12 Sinh | Bùi Phúc Thuận   | Nguyên | 1,170,000 |  |
| 485 | 12 Sinh | Nguyễn Vũ Bảo    | Quyên  | 1,170,000 |  |
| 486 | 12 Sinh | Huỳnh Anh        | Thư    | 1,170,000 |  |

|     |        |                    |       |           |  |
|-----|--------|--------------------|-------|-----------|--|
| 487 | 12 Anh | Nguyễn Thị Quỳnh   | Anh   | 1,170,000 |  |
| 488 | 12 Anh | Bùi Khánh          | Chi   | 1,170,000 |  |
| 489 | 12 Anh | Đỗ Nguyễn Hạnh     | Dung  | 1,170,000 |  |
| 490 | 12 Anh | Đỗ Mạnh            | Dũng  | 1,170,000 |  |
| 491 | 12 Anh | Trần Nguyễn Bảo    | Hân   | 1,170,000 |  |
| 492 | 12 Anh | Trần Diệu          | Hoa   | 1,170,000 |  |
| 493 | 12 Anh | Trương Nguyễn Bích | Huyền | 1,170,000 |  |
| 494 | 12 Anh | Lưu Hoàng Quỳnh    | Hương | 1,170,000 |  |
| 495 | 12 Anh | Nguyễn Ngọc Thảo   | Hương | 1,170,000 |  |
| 496 | 12 Anh | Trần Hoàng Nguyên  | Khang | 1,170,000 |  |
| 497 | 12 Anh | Đặng Phước Nguyên  | Khôi  | 1,170,000 |  |
| 498 | 12 Anh | Phan Nguyễn Minh   | Khôi  | 1,170,000 |  |
| 499 | 12 Anh | Lê Minh            | Khuê  | 1,170,000 |  |
| 500 | 12 Anh | Lê Khải            | Linh  | 1,170,000 |  |
| 501 | 12 Anh | Phan Uyên Khánh    | Linh  | 1,170,000 |  |
| 502 | 12 Anh | Nguyễn Hoàng       | Long  | 1,170,000 |  |
| 503 | 12 Anh | Nguyễn Lê Đắc      | Lộc   | 1,170,000 |  |
| 504 | 12 Anh | Nguyễn Phan Nguyệt | Minh  | 1,170,000 |  |
| 505 | 12 Anh | Trương Hạ          | My    | 1,170,000 |  |

|     |         |                  |        |           |  |
|-----|---------|------------------|--------|-----------|--|
| 506 | 12 Anh  | Nguyễn Thị Mỹ    | Ngọc   | 1,170,000 |  |
| 507 | 12 Anh  | Nguyễn Hữu Tùng  | Nguyên | 1,170,000 |  |
| 508 | 12 Anh  | Trần Hạnh        | Nguyên | 1,170,000 |  |
| 509 | 12 Anh  | Tạ Thị Quỳnh     | Như    | 1,170,000 |  |
| 510 | 12 Anh  | Phan Nguyễn Như  | Phương | 1,170,000 |  |
| 511 | 12 Anh  | Nguyễn Nhật      | Quang  | 1,170,000 |  |
| 512 | 12 Anh  | Ngô Dương Bảo    | Quân   | 1,170,000 |  |
| 513 | 12 Anh  | Nguyễn Minh      | Thùy   | 1,170,000 |  |
| 514 | 12 Anh  | Hồ Quốc          | Tiến   | 1,170,000 |  |
| 515 | 12 Anh  | Huỳnh Công Minh  | Triết  | 1,170,000 |  |
| 516 | 12 Anh  | Phạm Trần Cẩm    | Tú     | 1,170,000 |  |
| 517 | 12 Anh  | Hồ Nguyễn Khánh  | Uyên   | 1,170,000 |  |
| 518 | 12 Anh  | Lê Thị Mỹ        | Uyên   | 1,170,000 |  |
| 519 | 12 Anh  | Phạm Lê Nhã      | Uyên   | 1,170,000 |  |
| 520 | 12 Anh  | Nguyễn Ý         | Vy     | 1,170,000 |  |
| 521 | 12 Pháp | Nguyễn Phạm Hiếu | An     | 1,170,000 |  |
| 522 | 12 Pháp | Lê Thị Vân       | Anh    | 1,170,000 |  |
| 523 | 12 Pháp | Dương Gia        | Bảo    | 1,170,000 |  |
| 524 | 12 Pháp | Nguyễn Thị Nhật  | Diệu   | 1,170,000 |  |

|     |         |                   |       |           |  |
|-----|---------|-------------------|-------|-----------|--|
| 525 | 12 Pháp | Nguyễn Hoàng Thục | Đoan  | 1,170,000 |  |
| 526 | 12 Pháp | Lê Nguyễn Thảo    | Hiền  | 1,170,000 |  |
| 527 | 12 Pháp | Mai Hoàng Thục    | Linh  | 1,170,000 |  |
| 528 | 12 Pháp | Nguyễn Thị Hồng   | Ngọc  | 1,170,000 |  |
| 529 | 12 Pháp | Bùi Phương Hạnh   | Nhi   | 1,170,000 |  |
| 530 | 12 Pháp | Ngô Trung         | Sơn   | 1,170,000 |  |
| 531 | 12 Pháp | Lê Quỳnh          | Trang | 1,170,000 |  |
| 532 | 12 Pháp | Bùi Võ Thảo       | Trúc  | 1,170,000 |  |
| 533 | 12 Văn  | Vũ Nguyễn Tâm     | An    | 1,170,000 |  |
| 534 | 12 Văn  | Lê Phan Mỹ        | Anh   | 1,170,000 |  |
| 535 | 12 Văn  | Trần Nguyễn Minh  | Anh   | 1,170,000 |  |
| 536 | 12 Văn  | Nguyễn Hoàng      | Dương | 1,170,000 |  |
| 537 | 12 Văn  | Nguyễn Mai Anh    | Đào   | 1,170,000 |  |
| 538 | 12 Văn  | Đặng Dương Hương  | Giang | 1,170,000 |  |
| 539 | 12 Văn  | Trần Thiên        | Hà    | 1,170,000 |  |
| 540 | 12 Văn  | Đỗ Như            | Hoàng | 1,170,000 |  |
| 541 | 12 Văn  | Nguyễn Bảo        | Khánh | 1,170,000 |  |
| 542 | 12 Văn  | Nguyễn Ngọc Mỹ    | Kim   | 1,170,000 |  |
| 543 | 12 Văn  | Nguyễn Trần Đan   | Lê    | 1,170,000 |  |

|     |           |                   |        |           |  |
|-----|-----------|-------------------|--------|-----------|--|
| 544 | 12 Văn    | Nguyễn Đỗ Khánh   | Linh   | 1,170,000 |  |
| 545 | 12 Văn    | Tôn Nữ Nguyệt     | Minh   | 1,170,000 |  |
| 546 | 12 Văn    | Cao Nguyễn Lâm    | Nghi   | 1,170,000 |  |
| 547 | 12 Văn    | Phan Kim          | Ngọc   | 1,170,000 |  |
| 548 | 12 Văn    | Ninh Thị Yến      | Nhi    | 1,170,000 |  |
| 549 | 12 Văn    | Cao Yến           | Ny     | 1,170,000 |  |
| 550 | 12 Văn    | Phan Ngọc Cát     | Tường  | 1,170,000 |  |
| 551 | 12 Văn    | Lục Triệu         | Vy     | 1,170,000 |  |
| 552 | 12 Sử-Địa | Đặng Nguyễn Thiên | Dương  | 1,170,000 |  |
| 553 | 12 Sử-Địa | Nguyễn Ngọc Ngân  | Hà     | 1,170,000 |  |
| 554 | 12 Sử-Địa | Mai Thu           | Hằng   | 1,170,000 |  |
| 555 | 12 Sử-Địa | Nguyễn Nhật       | Hoàng  | 1,170,000 |  |
| 556 | 12 Sử-Địa | Trần Hương        | Linh   | 1,170,000 |  |
| 557 | 12 Sử-Địa | Trần Xuân         | Mai    | 1,170,000 |  |
| 558 | 12 Sử-Địa | Nguyễn Trần Bảo   | Ngọc   | 1,170,000 |  |
| 559 | 12 Sử-Địa | Nguyễn Phương     | Nguyên | 1,170,000 |  |
| 560 | 12 Sử-Địa | Phạm Yến          | Nhi    | 1,170,000 |  |
| 561 | 12 Sử-Địa | Trần Nguyên       | Phương | 1,170,000 |  |
| 562 | 12 Sử-Địa | Đào Ngọc Anh      | Thư    | 1,170,000 |  |

|                   |           |                    |       |                    |  |
|-------------------|-----------|--------------------|-------|--------------------|--|
| 563               | 12 Sứ-Địa | Bùi Thị Minh       | Trang | 1,170,000          |  |
| 564               | 12 Sứ-Địa | Trần Quỳnh         | Trang | 1,170,000          |  |
| 565               | 12 Sứ-Địa | Võ Hoàng Gia       | Trang | 1,170,000          |  |
| 566               | 12 Sứ-Địa | Huỳnh Nguyễn Thanh | Trâm  | 1,170,000          |  |
| 567               | 12 Sứ-Địa | Nguyễn Thị Tường   | Vy    | 1,170,000          |  |
| <b>TỔNG CỘNG:</b> |           |                    |       | <b>663,390,000</b> |  |

## II. Danh sách học sinh hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập Nghị định số 81/2021/NĐ-CP học kỳ II năm học 2024 – 2025

| STT              | Họ tên học sinh      | Thuộc đối tượng        | Mức hỗ trợ/<br>01 tháng                                       | Số tháng<br>được hỗ trợ | Tổng số tiền | Ghi chú         |
|------------------|----------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------|-----------------|
| 1                | Huỳnh Phước Thảo Tâm | Mồ côi                 | 150.000                                                       | 5                       | 750.000      | 10 Sinh         |
| 2                | Nguyễn Trần Bảo Ngọc | Mồ côi                 | 150.000                                                       | 5                       | 750.000      | 12 Sứ - Địa     |
| 3                | Tô Minh Đức          | Vùng đặc biệt khó khăn | 150.000                                                       | 5                       | 750.000      | Lớp 12 Sứ - Địa |
| <b>Tổng cộng</b> |                      |                        | <b>2.250.000 (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn)</b> |                         |              |                 |

## III. Giảm học phí học kỳ 2 năm học 2024-2025

| STT                             | Họ và tên học sinh được miễn, giảm học phí | Thuộc đối tượng | Hộ khẩu thường trú                               | Mức cấp bù học phí/tháng                                         | Số tháng được cấp bù | Số tiền đề nghị cấp bù miễn, giảm học kỳ II năm học 2024-2025 | Ghi chú     |
|---------------------------------|--------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------|-------------|
| <b>I</b>                        | <b>Đối tượng miễn 100%</b>                 |                 |                                                  |                                                                  |                      | <b>1.170.000</b>                                              |             |
| 1                               | Huỳnh Phước Thảo Tâm                       | Mồ côi          | 19 Hai Bà Trưng - phường 6 - Đà Lạt              | 78.000                                                           | 5                    | 390.000                                                       | 10 Sinh     |
| 2                               | Nguyễn Trần Bảo Ngọc                       | Mồ côi          | 25 Cao Thắng - Phường 7 - Đà Lạt                 | 78.000                                                           | 5                    | 390.000                                                       | 12 Sử - Địa |
| 3                               | Vi Hoàng Nhật Anh                          | Con thương binh | H13 Ngô Gia Tự - Phường 12 - Đà Lạt              | 78.000                                                           | 5                    | 390.000                                                       | Lớp 11 Lý   |
| <b>II</b>                       | <b>Đối tượng giảm 70%</b>                  |                 |                                                  |                                                                  |                      | <b>0</b>                                                      |             |
| <b>III</b>                      | <b>Đối tượng giảm 50%</b>                  |                 |                                                  |                                                                  |                      | <b>156.000</b>                                                |             |
| 1                               | Chữ Đức Nhật Anh                           | Hộ nghèo        | Thôn Trung Tâm - Đạ K'Nàng - Đam Rông - Lâm Đồng | 39.000                                                           | 5                    | 195.000                                                       | Lớp 11 Pháp |
| <b>Tổng cộng (I)+(II)+(III)</b> |                                            |                 |                                                  | <b>1.365.000 (Một triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn đồng chẵn)</b> |                      |                                                               |             |

Đà Lạt, ngày 02 tháng 7 năm 2025

**Hiệu trưởng**  
  
**Đào Mạnh Trinh**

**Kế toán**  
  
**Phan Thùy Nhung**